TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2018
V/v ly hôn giữa chị S và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thơm
2. Bà Nguyễn Thị Thúy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ***: Ông Lưu Quốc Phú- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 60/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 106/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị S, sinh năm 1989 "có mặt"
Địa chỉ: Xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn N, sinh năm 1981 "vắng mặt".
Địa chỉ: Xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C. Địa chỉ: Phố Đ, phường L, quận M, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lưu Đức P – chức vụ Giám đốc Phòng giao dịch huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05-10-2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị S trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh N tự tìm hiểu và xác lập hôn nhân vào năm 2005, vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ cấp ngày ngày 01-3-2013. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc

nhưng khoảng một năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N rược chè bê tha, đánh đập vợ con và cư xử không đúng mực với cha mẹ vợ. Vợ chồng chính thức sống ly thân hơn một năm nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh N. Về nuôi con chung: Anh chị có 03 con chung tên Hồ Thị G sinh ngày 19-02-2006, Hồ Thị M sinh ngày 17-6-2008, Hồ Thị H sinh ngày 09-4-2011, các con đang sống cùng mẹ, khi ly hôn chị S yêu cầu nuôi các con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng C số tiền 52.000.000đồng. Chị đồng ý trả số tiền trên cho Ngân hàng.

Bị đơn anh Hồ Văn N được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải nhưng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản ghi lời khai (BL số 18) anh N thống nhất với lời trình bày của chị S về thời gian xác lập hôn nhân, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S, con chung giao cho chị S nuôi dưỡng các con, anh không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, số nợ ngân hàng chị S tự trả.

Người đại diện Ngân hàng C trình bày: Ngày 24-02-2015 Ngân hàng cho vợ chồng chị S vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường số tiền 12.000.000đồng, lãi suất 0,8%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 16-02-2020; Đến ngày 16-5-2017 Ngân hàng có cho vợ chồng chị S vay hỗ trợ hộ nghèo với số tiền 40.000.000đồng, lãi suất 0,55%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 16-4-2022. Quá trình vay vợ chồng chị S thanh toán đầy đủ nợ lãi cho Ngân hàng và số nợ trên chưa đến hạn trả nợ cuối cùng. Do đó, Ngân hàng chưa yêu cầu đòi nợ đối với vợ chồng chị S trong vụ án này, sau này vợ chồng chị S vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ kiện khác.

Tại phiên tòa:

Chị S yêu cầu ly hôn với anh N, yêu cầu nuôi các con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩa vụ trả nợ chị thống nhất với ý kiến Ngân hàng nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau.

Anh Hồ Văn N vắng mặt.

Ngân hàng C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị S với anh N. Về con chung đề nghị giao các con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về nghĩa vụ trả nợ do Ngân hàng chưa yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Hồ Văn N là bị đơn trong vụ án, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Ngân hàng C là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị S và anh N là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị S xác định vợ chồng đã ly thân thời gian dài, tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên xin ly hôn. Tại tòa, anh N vắng mặt nhưng quá trình tố tụng anh N thống nhất với lời trình bày của chị S về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, con chung, cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng, anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị S đối với anh N.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng có 03 con chung hiện đang sống với chị S. Anh N đồng ý giao các con cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị S không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về chia tài sản*: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Về nghĩa vụ trả nợ*: Anh, chị nợ Ngân hàng C số tiền 52.000.000đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này nên chưa xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn giữa chị Đào Thị S và anh Hồ Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hồ Thị G sinh ngày 19-02-2006, Hồ Thị M sinh ngày 17-6-2008, Hồ Thị H sinh ngày 09-4-2011 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Chưa giải quyết do Ngân hàng C không yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Đào Thị S phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị S đã nộp theo biên lai thu số 000599 ngày 07-12-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Viễn